

Bản án số: 172/2021/HNGĐ-ST

Ngày 15 -9 - 2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁ THƯỚC TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lò Văn Trục

2. Bà Trương Thị Quý

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Nhung - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bá Thước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bá Thước tham gia phiên tòa: Bà Nhữ Thị Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2021, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 153/2021/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị T; Sinh năm 2000 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn M, xã L N, huyện B T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Hà Thanh D; Sinh năm 2000 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn C M, xã Đ T, huyện B T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình làm việc tại Tòa án chị T trình bày: Chị T và anh D tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau. Anh chị có tổ chức cưới theo phong tục tập quán vào năm 2019, đến ngày 09 tháng 12 năm 2020 mới tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại UBND xã L N, huyện B T. Sau khi lấy nhau sống chung được một thời gian ngắn thì mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng luôn bất hòa, cãi nhau thường xuyên. Chị T về nhà ngoại sống anh D ra xin lỗi và quay về rồi vợ chồng lại cãi nhau không thể dung hòa. Khi chị T mang thai lần thứ hai được 07 tháng phải đình chỉ thai thì anh D không quan tâm, bỏ mặc,

gia đình bên nội cũng không lo lắng quan tâm gì đến chị T. Chị T và anh D ly thân từ đầu năm 2021. Hai người không còn quan tâm đến nhau mỗi lần điện thoại cho nhau chỉ chửi bới, xúc phạm nhau. Nay chị T không còn tình cảm và xin ly hôn.

Về con chung: Chị T và anh D có 01 con chung là cháu Hà Mỹ H, sinh ngày 20/12/2019 lâu nay chị T đang trực tiếp nuôi con. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản: Không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh D trình bày: Anh D và chị T tự nguyện lấy nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn như chị T trình bày là đúng. Vợ chồng mâu thuẫn không có gì to tát, do chị T trẻ con hay giận giỗi bỏ về nhà ngoại, nay chị T xin ly hôn anh Dưng không đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như chị T trình bày là đúng. Hiện nay chị Thanh đang trực tiếp nuôi con nếu phải ly hôn thì anh D có nguyện vọng nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tuy anh D không đồng ý ly hôn nhưng không đến tham gia phiên hòa giải theo thông báo hòa giải của Tòa án.

Sau khi nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử chị T và anh D đều có đơn xin xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền và trình tự tố tụng thẩm phán, thư ký, HĐXX thực hiện đúng đủ theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Xử cho chị T ly hôn anh D. Giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Hà Mỹ H, sinh ngày 20/12/2019 cho đến khi thành niên. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Chị Thanh phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS. Thẩm phán, thư ký và HĐXX đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định, trình tự của BLTTDS.

Việc xét xử vụ án theo thủ tục xét xử vắng mặt tất cả đương sự là đúng theo quy định tại Điều 227 và điểm a, điểm b, khoản 1, Điều 238 của BLTTDS.

[2] *Về nội dung*: Chị Trương Thị T và anh Hà Thanh D tự do tìm hiểu, tự nguyện lấy nhau, có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị hợp pháp.

[3] *Tình trạng hôn nhân*: Mâu thuẫn giữa chị T và anh D đã đến mức trầm trọng. Cuộc sống chung không còn tồn tại, mỗi người một nơi không chung mục đích. Nay chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng, chị đã ly thân từ đầu năm 2021 đến nay. HĐXX căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị T ly hôn anh D.

Về con chung. Căn cứ các Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình. Giao cháu Hà Mỹ H, sinh ngày 20/12/2019 cho chị Trương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên. Anh Hà Thanh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Hà Thanh D có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

[4] *Về án phí*: Chị Trương Thị T chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị định số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ: Khoản 2 Điều 227; Điểm a, điểm b khoản 1 Điều 238; Khoản 4 Điều 147 và Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trương Thị T. Xử cho chị Trương Thị T ly hôn anh Hà Thanh D.

3. Về con chung: Giao cháu Hà Mỹ H, sinh ngày 20/12/2019 cho chị Trương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên. Anh Hà Thanh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Hà Thanh D có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Tài sản: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có

4. Về án phí: Chị Trương Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0007617 ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B T (chị T đã nộp đủ)

Án sơ thẩm vắng mặt chị Trương Thị T và anh Hà Thanh D. Anh D và chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
THA dân sự huyện B T
- ...
- Cơ quan thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Quyên